

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 35/2023/DS-GĐT
Ngày: 08/3/2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Bà Huỳnh Thanhh Duyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Phương, Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1; sinh năm 1967; địa chỉ: ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.2 Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.3 Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974;

3.4 Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác là N3), sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.5 Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.6 Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ. bà N1 là người mất năng lực hành vi dân sự.

Người giám hộ cho bà N1: Ông Nguyễn Văn R theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ..

3.7 Ông Huỳnh Thanh T4, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu vực TP1, phường TH, quận TN, thành phố Cần Thơ.

3.8 Anh Huỳnh Tân P1, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu vực QT2, phường TK, quận TN, thành phố Cần Thơ.

3.9 Bà Đỗ Thị Khiếu L, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ

3.10 Ông Trần Thanh P2, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.11 Bà Nguyễn Thị Bé H2, sinh năm 1978;

3.12 Anh Nguyễn Minh T5, sinh năm 1995;

3.13 Anh Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3.14 Văn phòng công chứng LHT; địa chỉ trụ sở: Khu vực TA3, phường TA, quận TN, thành phố Cần Thơ; người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Hữu T6 – Trưởng văn phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cụ Nguyễn Văn H (chết ngày 28/12/2015) và cụ Huỳnh Thị N (chết ngày 06/5/2017) có 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị N1.

Vợ chồng cụ H chết để lại di sản gồm:

1/ Thừa đất số 108, tờ bản đồ số 07, diện tích được cấp 22.612m², diện tích thực tế sử dụng 22.025,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998 do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

2/ Thừa đất số 282, tờ bản đồ số 06, diện tích được cấp 3.074m² (thu hồi một phần diện tích 1.601,9m² theo quyết định 769/QĐ-UBND ngày 17/3/2010), diện tích đo đạc thực tế còn lại sau thu hồi 1.625,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

3/ Thừa đất số 1113, tờ bản đồ số 07, diện tích được cấp 154m², diện tích đo đạc thực tế 119,1m², loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên, trên thửa đất này có căn nhà phủ thờ. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Khi cụ H, cụ N qua đời thì thừa đất 1113, thửa đất 282, một phần thửa đất 108, diện tích 21.483,5m² do ông R quản lý sử dụng, phần còn lại của thửa đất 108, diện tích 542,2m² vợ chồng bà T3 quản lý sử dụng.

Thửa đất 1113 và căn nhà phủ thờ các thừa kế đồng ý để lại làm di sản thờ cúng ông bà, giao cho ông R quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn là bà T1 yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 282 và thửa đất số 108 thành 8 phần, yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật, cụ thể:

Thửa đất số 282, diện tích thực tế 1.625,7m² chia cho 08 người, tương đương 203,21m²/kỷ phần.

Thửa đất số 108, diện tích thực tế 22.025,7m² chia cho 08 người, tương đương 2.753,21m²/kỷ phần).

Bị đơn là ông Nguyễn Văn R có yêu cầu phản tố: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, cụ N gồm 08 người, di sản thừa kế bao gồm thửa đất 1113, thửa đất 282 và thửa đất 108. Ông là người quản lý di sản gồm: thửa đất 1113, thửa đất 282 và một phần thửa đất 108, diện tích 21.483,5m², phần còn lại của thửa đất 108, diện tích 542,2m² do bà T3 quản lý sử dụng.

Về nguồn gốc đất, ông R thống nhất với lời trình bày của bà T1, xác định các thửa đất trên là tài sản do cha mẹ tạo lập mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi do cụ H đại diện hộ đứng tên. Thửa đất số 282, năm 2000 cho mẹ cầm cố cho ông Dương Văn D với giá 25 chỉ vàng 24K. Sau khi cha mẹ qua đời vợ chồng ông R chuộc lại phần đất này. Ngoài ra, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ ốm đau ông có vay nợ với tổng số tiền 460 triệu đồng cụ thể: Vay của ông Huỳnh Thanh T4 số tiền 115 triệu đồng, vay của bà Đỗ Thị Khiếu L số tiền 100 triệu đồng, vay của anh Huỳnh Tân P1 số tiền 245 triệu đồng. cụ H chết không để lại di chúc, cụ N chết để lại di chúc được công chứng ngày 03/6/2016.

Ông R không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế thửa đất số 282 và thửa đất số 108 thành 8 kỷ phần và có phản tố yêu cầu cụ thể như sau:

Công nhận cho ông được sử dụng thửa đất 1113, diện tích thực tế 119.1m² và thửa đất số 282, diện tích thực tế 1.625,7m² và tài sản trên đất.

Công nhận di chúc của bà N lập ngày 03/6/2016, giao cho ông sử dụng ½ diện tích thửa 108 diện tích 11.012,85m², phần còn lại của thửa 108 chia thành 09

phần (bà N 01 phần, 08 anh chị em còn lại mỗi người 01 phần), mỗi kỹ phần tương đương diện tích 1.223,65m², công nhận cho ông sử dụng 01 phần theo nội dung di chúc của bà N. Tổng cộng ông yêu cầu công nhận cho ông trong thửa đất 108 là 12.236,5m². Phần còn lại của thửa 108, diện tích 9.789,2m², yêu cầu thanh toán các khoản nợ 460 triệu đồng, còn lại chia thành 08 kỹ phần, như sau: 9.789,2m² x 70.000 đồng/m² = 685.244.000 đồng (giá đất tính theo giá thị trường), trừ đi số nợ 460 triệu đồng, còn lại số tiền 225.244.000 đồng chia cho 08 kỹ phần, tương ứng mỗi phần là 28.155.500đồng. Ông yêu cầu được nhận hiện vật, đồng ý trả giá trị lại cho các thừa kế khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố, đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 282, yêu cầu công nhận di chúc của bà Huỳnh Thị N lập ngày 03/6/2016, giao cho ông được sử dụng thửa đất số 108, diện tích 22.025,7m², ông đồng ý trả giá trị kỹ phần cho các thừa kế khác, công nhận cho ông được sử dụng thửa đất 1113, diện tích 119.1m² và tài sản trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T2, bà H1, bà N3, bà C trình bày: các bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế, người quản lý di sản thừa kế. bà H1, bà N3, bà C, bà T2 yêu cầu chia thừa kế di sản đối với thửa đất số 282, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế 1.625,7m² chia thành 08 phần, mỗi kỹ phần tương đương diện tích 203,21m². Thửa đất số 108 diện tích thực tế 22.025,7m² chia cho 08 phần, mỗi phần tương đương 2.753,21m². Đối với thửa đất số 1113, có căn nhà phủ thờ không tranh chấp, thống nhất giao cho ông R quản lý, sử dụng làm di sản thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T3 trình bày: bà T3 thống nhất với lời trình bày các anh chị em về hàng thừa kế, di sản thừa kế cha mẹ để lại. bà T3 yêu cầu được nhận một kỹ phần bằng hiện vật như các thừa kế khác, nhưng yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa đất số 108, liền kề với căn nhà vợ chồng bà đang sử dụng. Thửa đất 1113, có căn nhà phủ thờ bà không tranh chấp, đồng ý giao cho ông R quản lý làm di sản thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh P trình bày: Khi ông và bà T3 xác lập quan hệ hôn nhân thì cha mẹ có cho vợ chồng ông một phần diện tích đất khoảng 500m², thuộc thửa đất 108, vợ chồng ông cất nhà sinh sống ổn định trên phần đất này. Do đó, khi xem xét yêu cầu chia thừa kế của bà T3 thì chia cho vợ chồng ông thửa đất 108 để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé H2 vợ ông R và các con ông R là anh Nguyễn Thanh N2, Nguyễn Minh T5 trình bày: Bà H2, anh N2, anh T5 không có yêu cầu độc lập trong vụ án, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Tấn P trình bày: Vào ngày 15/6/2017 anh có cho ông R vay số tiền 200 triệu đồng, đến ngày 16/7/2017

vay thêm 45 triệu đồng, tổng cộng là 245.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có lập biên nhận nợ giấy tay, quá trình vay ông R trả được 3.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả vốn. Anh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ giữa anh và ông R trong vụ án này, sau này có tranh chấp anh sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Bà Đỗ Thị Khiếu L trình bày: Vào ngày 18/8/2016 bà có cho ông R vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có lập biên nhận nợ giấy tay, quá trình vay ông R trả lãi từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2019. Bà Linh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ giữa bà và ông R trong vụ án này, sau này có tranh chấp bà sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Ông Huỳnh Thanh T4 trình bày: Vào ngày 28/12/2015 ông có cho ông R vay số tiền 100 triệu đồng, đến ngày 02/01/2016 ông R vay thêm 15 triệu đồng, tổng cộng là 115 triệu, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có lập biên nhận nợ giấy tay, quá trình vay ông R trả lãi đầy đủ. Ông T4 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ giữa ông và ông R trong vụ án này, sau này có tranh chấp ông sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác

Ông Lưu Hữu T6 là Trưởng Văn phòng công chứng LHT trình bày: Ngày 03/6/2016 bà Huỳnh Thị N có đến văn phòng công chứng di chúc. Việc công chứng di chúc văn phòng thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó văn phòng công chứng không có ý kiến gì trong việc tranh chấp thừa kế giữa ông R và nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp.

Người làm chứng là ông Trần Ngọc P3 trình bày: Ông P3 xác định khi bà N đến lập di chúc tại phòng công chứng LHT thì ông có ký với tư cách người làm chứng. Ông khẳng định di chúc được lập đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Văn D trình bày: Ông D xác định không có nhận cầm cố quyền sử dụng đất của cụ H tại thửa đất số 282 như ông R trình bày. Sở dĩ trước đây ông khai có nhận cầm cố từ cụ H là do ông R nhờ ông xác nhận. Nay ông khẳng định là không có nhận cầm cố đất và cũng không có liên quan gì đến việc tranh chấp thừa kế của gia đình ông R.

Tại bản án số 05/2022/DSST ngày 16/02/2022, Tòa án nhân dân huyện CĐ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N1, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị C , bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T3 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn R.

Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T2 mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế có giá trị 97.948.250 đồng.

Bà Nguyễn Thị T3 được hưởng một kỹ phần thừa kế bằng hiện vật, tương đương diện tích 1.399,26m² đất thuộc thửa số 108, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị N1 được hưởng một kỹ phần thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc và một kỹ phần thừa kế theo pháp luật tương đương diện tích 2.418,96m² đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

2. Chấp nhận một phần phản tố của ông Nguyễn Văn R về việc yêu cầu công nhận di chúc và công nhận phân di sản thờ cúng. Công nhận cho ông Nguyễn Văn R được sử dụng các phần đất như sau:

- Thừa đất số 1113, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 119,1m², loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 và căn nhà phủ thờ. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

- Thừa đất số 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 18.213,91m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

- Thừa đất số 282, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế còn lại sau thu hồi 1.625,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Các thửa đất trên do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Vị trí, kích thước thửa đất được xác định theo Bản trích đo địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cần Thơ lập ngày 21/11/2018.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà N1 do ông R nuôi dưỡng nên giao kỹ phần bà N1 được hưởng cho ông R quản lý thay bà N1.

Buộc ông R phải trả giá trị kỹ phần thừa kế cho bà C, bà T1, bà H1, bà N3, bà T2 mỗi người 97.948.250 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T1, bà T2, bà C, bà H1, bà M (N3), bà T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 173/2022/DS-PT ngày 19/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà T1, bà T2, bà C, bà H1, bà M (N3), bà T3. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N1, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T3 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn R.

2. Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T2 mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế có giá trị 97.948.250 đồng. Buộc ông R phải trả giá trị kỹ phần thừa kế cho bà C, bà T1, bà H1, bà M (N3), bà T2 mỗi người 97.948.250 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị T3 được hưởng một kỹ phần thừa kế bằng hiện vật, tương đương diện tích 1.399,26m² đất thuộc thửa số 108, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

4. Ông R phải trả thêm cho bà T3 số tiền 01 phần còn thiếu là 4.202.300 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị N1 được hưởng một kỹ phần thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc và một kỹ phần thừa kế theo pháp luật tương đương diện tích 2.418,96m² đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn R về việc yêu cầu công nhận di chúc và công nhận phần di sản thờ cúng.

7. Công nhận cho ông Nguyễn Văn R được sử dụng các phần đất như sau:

- Thửa đất số 1113, tờ bản đồ số 07, diện tích đo đạc thực tế 119,1m², loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 và căn nhà thờ. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

- Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 18.213,91m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

- Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế còn lại sau thu hồi 1.625,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Các thửa đất trên do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Vị trí, kích thước thửa đất được xác định theo Bản trích đo địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cần Thơ lập ngày 21/11/2018.

8. Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà N1 do ông R nuôi dưỡng nên giao kỹ phần bà N1 được hưởng cho ông R quản lý thay bà N1.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và việc thi hành án.

Ngày 08/8/2022, nguyên đơn là bà T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T2, bà H1, bà C, bà T3, bà M có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định số 17/QĐ-VKS-VP ngày 22/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 173/2022/DS-PT ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Nguyễn Văn H (chết ngày 28/12/2015) và cụ Huỳnh Thị N (chết ngày 06/5/2017) có 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị N1. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định cụ H và cụ N không có con nuôi, con riêng và thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, cụ N gồm 08 người con nêu trên.

[2] Khôi di sản của cụ H và cụ N để lại gồm:

Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 07, diện tích được cấp 22.612m², diện tích thực tế sử dụng 22.025,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000071 cấp ngày 09/10/1998 do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc ấp PL, xã TP, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 06, diện tích được cấp 3.074m² (thu hồi một phần diện tích 1.601,9m² theo quyết định 769/QĐ-UBND ngày 17/3/2010), diện tích đo đạc thực tế còn lại sau thu hồi 1.625,7m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 do cụ Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Thửa đất số 1113, tờ bản đồ số 07, diện tích được cấp 154m², diện tích đo đạc thực tế 119,1m², loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000342 cấp ngày 06/9/1997 do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên, trên thửa đất này có căn nhà phủ thờ. Đất tọa lạc tại ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

[3] Thửa đất 1113 và căn nhà phủ thờ các đồng thừa kế thống nhất để lại làm di sản thờ cúng ông bà, giao cho ông R quản lý, sử dụng và chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 282 và thửa đất số 108.

[4] Cụ H chết không để lại di chúc, còn cụ N có lập di chúc vào ngày 03/6/2016 tại Văn phòng công chứng LHT với nội dung để lại phần di sản của cụ N được hưởng của cụ H và quyền sử dụng một phần thửa đất số 108 của cụ N cho ông R. Tòa án cấp phúc thẩm và sơ thẩm xác định di chúc ngày 03/6/2016 nêu trên có giá trị pháp lý và phân chia theo di chúc đối với di sản của cụ N để lại cho ông R tại thửa đất 108; chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản còn lại của cụ N tại thửa đất 108 và thửa 282 là có căn cứ. Tuy nhiên, việc phân chia di sản thừa kế hoàn toàn có thể chia đều bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Nguyên đơn là bà T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là những đồng thừa kế là các bà T2, H1, C, T3, M (N3) đều có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Yêu cầu này là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về điều kiện tách thửa. Nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ nhận định: “ông R và bà N1 chiếm phần lớn diện tích đất nên thôi hoàn giá trị cho các đồng thừa kế còn lại là phù hợp” để quyết định giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại các thửa 108, 282 cho ông R là giải quyết không đúng quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[5] Tại Văn bản ý kiến ngày 24/5/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, các bà T3, C, T2, H1, M (N3) đều thỏa thuận thống nhất giao kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng theo pháp luật cho nguyên đơn là bà T1 quản lý, sử dụng. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận và giải quyết là thiếu sót.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên nên cần chấp nhận kháng nghị số 17/QĐ-VKS-VP ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VKS-VP ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 173/2022/DS-PT ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1 với bị đơn là ông Nguyễn Văn R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP. HCM (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Pháp chế Quản lý khoa học -TANDTC;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện CĐ, thành phố Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKT.II; HSVA (MP).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường